

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 49/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11- 6-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Hạnh.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Luận.

2. Bà Nguyễn Thị Hạnh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 11-6-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Huy T - Sinh năm 1947.

Bị đơn: Bà Lê Thị Hồng C - Sinh năm 1951

Cùng địa chỉ: T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Huy T trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Lê Thị Hồng C tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 2/1975, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống hạnh phúc, đến năm 1995 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm sống trái ngược nhau, bà C đi theo “ đạo chân lý, đạo tự do”, dẫn tới việc vợ

chồng thường xuyên va chạm, cãi vã. Ông và gia đình đã khuyên nhủ bà C từ bỏ đạo nhưng không được, do đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng mặc dù chung sống cùng nhau nhưng thực tế đã ly thân từ năm 1995 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay, ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà C.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung là Lê Huy T2 - sinh ngày 03 tháng 02 năm 1976, Lê Huy S - sinh ngày 05 tháng 7 năm 1977 và Lê Thanh H - sinh ngày 25 tháng 3 năm 1980. Hiện nay, cả 03 con đều đã thành niên. Tuy nhiên, con trai đầu Lê Huy T2 bị bệnh do ảnh hưởng chất độc màu da C, không có khả năng lao động, không có tài sản, thu nhập để tự nuôi bản thân nên ông đề nghị được nuôi anh T2, không yêu cầu bà C cấp dưỡng vì thu nhập hàng tháng của ông khoảng 8.000.000 đồng (lương 4.330.900 đồng, trợ cấp chất độc da C 2.100.000 đồng, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng: 1.147.000 đồng), có nhà, có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Hồng C trình bày:

Về hôn nhân: Bà thống nhất với lời trình bày của ông T về việc ông bà tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1975, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng từ khi mới chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T thường xuyên đánh vợ con dẫn tới vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Bà cũng nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nhưng vì các con chưa có gia đình riêng, ông bà cũng đã có tuổi nên bà không đồng ý ly hôn. Nếu ông T vẫn cương quyết ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung như ông T trình bày. Ly hôn, bà đề nghị được nuôi con trai Lê Huy T2 vì bà có điều kiện chăm sóc anh T2, có nơi ở ổn định, có lương 7.100.000 đồng/tháng. Ông T không biết nội trợ nên không thể chăm sóc anh T2. Bà yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản, công nợ: Quá trình giải quyết vụ án, bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 10/6/2021, bà có đơn đề nghị phân chia tài sản chung cho bà và các con.

Tại phiên tòa, ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bà C giữ nguyên ý kiến về hôn nhân, con chung. Về tài sản, bà đề nghị chia cho bà và các con nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, chính quyền địa phương phản ánh: Ông T, bà C sinh sống tại địa phương từ năm 2019. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm rõ. Về con chung: Ông bà có 03 con chung là Lê Huy T2 - sinh năm 1976, Lê Huy S - sinh

năm 1977 và Lê Thanh H- sinh năm 1980, con trai Lê Huy T2 bị bệnh do ảnh hưởng của chất độc màu da C, hiện đang sống cùng với ông T, bà C. Nay, ông T có đơn đề nghị giải quyết ly hôn, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết về hôn nhân và con chung theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T, xử cho ông T được ly hôn bà C; về con chung, tài sản: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền*: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*:

2.1 Ông T và bà C đều thừa nhận tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1975, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn, đây là tình tiết không phải chứng minh, theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T, bà C xác lập quan hệ vợ chồng trước ngày 3- 1- 1987 nên theo điểm a Khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định: “ Trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 3-1-1987, ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực pháp luật mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000”. Vì vậy, cần áp dụng quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án ly hôn giữa ông T và bà C.

2.2 Ông T, bà C đều thừa nhận cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn. Bản thân bà C cũng nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nhưng vì các con chưa có gia đình riêng nên bà cố gắng duy trì. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Khoản 1 Điều 89, Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 chấp nhận yêu cầu của ông T, xử cho ông T được ly hôn bà C.

[2] *Về con chung*: Ông T, bà C có 03 con chung là Lê Huy T2- sinh ngày 03 tháng 02 năm 1976, Lê Huy S- sinh ngày 05 tháng 7 năm 1977 và Lê Thanh H- sinh ngày 25 tháng 3 năm 1980. Hiện nay, cả 03 con đều đã thành niên. Tuy nhiên, con

traí đầu Lê Huy T2 bị bệnh do ảnh hưởng chất độc màu da C, không có khả năng lao động, không có tài sản, thu nhập để tự nuôi bản thân. Ông T và bà C đều có nguyện vọng nuôi anh T2. Xét thấy, bà C với mức lương 7.100.000 đồng/tháng, có nơi ở ổn định, có điều kiện nuôi anh T2. Hơn nữa, anh T2 bị bệnh, hàng tháng vẫn nhận trợ cấp của nhà nước, cần có sự chăm sóc của người mẹ nên cần giao anh T2 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng, cần buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi anh T2 mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp với mức lương và điều kiện của ông T. Vì vậy, căn cứ các Điều 53, 56, 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, giao anh Lê Huy T2- sinh ngày 03 tháng 02 năm 1976 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi anh T2 mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2021 đến khi anh T2 có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

[3]. *Về tài sản, công nợ*: Quá trình giải quyết vụ án, ông T, bà C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 10/6/2021 (trước khi mở phiên tòa 01 ngày), bà C có đơn đề nghị phân chia tài sản chung cho bà và các con. Ngoài đơn đề nghị, bà C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác. Theo khoản 2 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chỉ được quyền yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự cũng quy định “Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự nếu việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập ban đầu”. Do đó, cần giành quyền cho các đương sự khởi kiện giải quyết yêu cầu chia tài sản chung trong vụ án chia tài sản chung sau ly hôn.

[4]. *Về án phí*. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a Khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ông T chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng định kỳ, tổng số tiền là 600.000 đồng. Tuy nhiên, ông T sinh năm 1946 là người cao tuổi, có đơn đề nghị được miễn án phí nên căn cứ điểm đ Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 miễn án phí cho ông T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 89, các Điều 91, 53, 56, 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Điều 6; điểm a Khoản 5, điểm a Khoản 6, điểm đ Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14.

Về hôn nhân: Ông Lê Huy T được ly hôn bà Lê Thị Hồng C.

Về con chung: Ông T, bà C có 03 con chung là Lê Huy T2- sinh ngày 03 tháng 02 năm 1976, Lê Huy S- sinh ngày 05 tháng 7 năm 1977 và Lê Thanh H- sinh ngày

25 tháng 3 năm 1980. Giao anh Lê Huy T2 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi anh T2 mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2021 đến khi anh T2 có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Ông T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ: Giành quyền cho các đương sự yêu cầu chia tài sản chung bằng vụ án chia tài sản chung sau khi ly hôn.

Về án phí: Miễn án phí cho ông Lê Huy T với số tiền là 600.000 đồng (án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng định kỳ).

Người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Thị Minh Hạnh